TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 584/2025/DS-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;

2. Ông Danh Cư.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thị Bạch Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1, địa chỉ: số A đường L, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 525/2025/TLST-DS ngày 13/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh) về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2025/QĐXXST-DS ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 252/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S, địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh có đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T, sinh năm 1971, địa chỉ: Số H đường L, Phường A, quận G (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 10/12/2024, và ngày 09/5/2025. (vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thúy H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số H đường P, Phường D, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 14/5/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T trình bày như sau:

Ngày 11/11/2019, bà Huỳnh Thúy H có ký với Ngân hàng (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 với nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 70.000.000đồng;

- Mục đích vay: Tiêu dùng;

- Thời hạn cho vay: 48 tháng;

- Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 24%/năm cho 3 tháng đầu tiên; tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay của toàn bộ dư nợ được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VND 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng (+) với biên độ 16%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần;

- Kỳ hạn trả lãi: Ngày 10 hàng tháng;

- Lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay, bà H đã liên tục thanh toán trễ khoản vay. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23/9/2025, tổng số tiền bà H còn nợ là 111.867.025đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 35.770.000đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 22.998.859đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 44.492.368đồng;
- Lãi chậm trả: 8.605.799đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay các khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán các khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Huỳnh Thúy H phải trả ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019, tính đến ngày 23/9/2025 tổng cộng là 111.867.025đồng trong đó nợ gốc là 35.770.000đồng, nợ lãi trong hạn là 22.998.859đồng, nợ lãi quá hạn là 44.492.368đồng và lãi chậm trả là 8.605.799đồng.

- Buộc bà Huỳnh Thúy H tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh trên khoản tiền phải thi hành từ ngày 24/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019.

Ngân hàng có đơn đề ngày 23/6/2025 yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Bị đơn là bà Huỳnh Thúy H được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Trần Gia T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là bà Huỳnh Thúy H được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu bị đơn là bà Huỳnh Thúy H có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số H đường P, Phường D, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả một lần cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019. Như vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Gia T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là bà Huỳnh Thúy H được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bị đơn là bà Huỳnh Thúy H đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, bà H đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2.1] Về hình thức của hợp đồng:

Bà Huỳnh Thúy H có ký với Ngân hàng Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019 với mục đích vay là tiêu dùng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà H bằng hình thức nhận tiền mặt theo Giấy rút tiền ngày 12/11/2019.

Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy các hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi:

Căn cứ Giấy rút tiền kiêm phiếu chi tiền mặt ngày 12/11/2019, Ngân hàng đã giải ngân đủ khoản vay theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019 và các bên thỏa thuận về lãi suất tại thời điểm giải ngân là 24%/năm cho 03 tháng đầu tiên; tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 4 kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay của toàn bộ dư nợ được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiết kiệm VND 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng (+) với biên độ 16%/năm và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần. Các bên thỏa thuận mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất cho vay trong hạn và mức lãi suất chậm trả bằng 10%/năm tại Điều 3 và Điều 5 của Hợp đồng này. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận việc trả nợ gốc và lãi được thực hiện hàng tháng vào ngày 10 mỗi tháng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 10/8/2021, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của bà H sang nợ quá hạn.

Xét thỏa thuận về lãi suất nêu trên của các bên là phù hợp với quy định của Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở được chấp nhận.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ bao gồm: Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019 kèm theo Phụ lục lịch trả nợ; Giấy rút tiền kiêm phiếu chi tiền mặt ngày 12/11/2019 và

các Bảng tính lãi chi tiết của khách hàng, có đủ cơ sở xác định bà H còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 23/9/2025 tổng cộng là 111.867.025đồng trong đó nợ gốc là 35.770.000đồng, nợ lãi trong hạn là 22.998.859đồng, nợ lãi quá hạn là 44.492.368đồng và lãi chậm trả là 8.605.799đồng.

Như vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi còn nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại các hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu bà H phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 24/9/2025 trên số tiền nợ chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019 là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nên bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 90 và Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S:

Buộc bà Huỳnh Thúy H trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ là 111.867.025đồng (một trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm hai mươi lăm đồng) trong đó nợ gốc là 35.770.000đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng), nợ lãi trong hạn là 22.998.859đồng (hai mươi hai triệu chín trăm chín mươi tám ngàn tám trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 44.492.368đồng (bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi tám đồng) và nợ lãi chậm trả là 8.605.799đồng (tám triệu sáu trăm lẻ năm ngàn bảy trăm chín mươi chín đồng) theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019.

Kể từ ngày 24/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ, bà Huỳnh Thúy H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 201918116077 ký ngày 11/11/2019.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thúy H phải chịu 5.593.351đồng (năm triệu năm trăm chín mươi ba ngàn ba trăm năm mươi mốt đồng).

Ngân hàng TMCP S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.611.101đồng (hai triệu sáu trăm mười một ngàn một trăm lẻ một đồng) theo biên lai thu tiền số 0074101 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Thúy H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Yến